



GIÁO DỤC Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN NỀN GIÁO DỤC

VI VĂN ĐIỀU - ĐÀO NAM SƠN
Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục dân tộc

Để đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), trước hết cần nhận thức lại đối tượng rồi từ điểm nhìn hôm nay suy ngẫm đến mục tiêu, đưa ra giải pháp phát triển phù hợp.

1. Đồng bào dân tộc thiểu số và vùng dân tộc thiểu số

Nước ta có 54 dân tộc, dân tộc Việt (Kinh) chiếm khoảng 87%, 53 dân tộc còn lại chiếm khoảng 13% dân số cả nước. Các dân tộc trên đất nước ta từ bao đời nay cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, tạo nên một truyền thống đoàn kết, tương trợ hết sức quý báu. Địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số chủ yếu ở miền núi, ở vùng «phên dậu» của đất nước, các điều kiện phát triển kinh tế-xã hội gặp nhiều khó khăn.

Dân số, điều kiện phát triển kinh tế-xã hội, mặt bằng dân trí, nguồn nhân lực qua đào tạo (có chất lượng cao) của 53 dân tộc thiểu số không đồng đều. Có những dân tộc khá phát triển, dân số hàng chục vạn trở lên như Tày, Thái, Mường, Hoa, Dao... mặt bằng dân trí tương đối cao, có đông cán bộ có trình độ đại học, trên đại học, lại có những dân tộc chậm phát triển, dân số chỉ có khoảng trăm người như dân tộc Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu..., mặt bằng dân trí thấp, chưa có cán bộ có trình độ đại học.

Văn hóa các dân tộc ở Việt Nam cũng rất phong phú và đa dạng. Bên cạnh những phong tục mang tính nhân văn sâu sắc, cũng có những hủ tục có tác động không tích cực đến cộng đồng và sự phát triển kinh tế- xã hội.

Về ngôn ngữ, dân tộc nào cũng có tiếng nói riêng, nhưng mới có gần 30 dân tộc có chữ viết. Có chữ viết ra đời rất sớm cách đây hơn chục thế kỉ, lại có chữ viết mới ra đời mấy chục năm gần đây.

Vùng dân tộc thiểu số cũng là vùng nhạy cảm. Các thế lực thù địch nhà nước ta thường lợi dụng đặc điểm về tín ngưỡng, về dân trí chậm phát triển... để tuyên truyền, gây rối, làm ảnh hưởng xấu đến chính trị và an ninh quốc gia.

Vùng dân tộc thiểu số là vùng nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và nhà nước ta trong các chính sách ưu tiên phát triển. Sự ưu tiên ấy đang từng giờ, từng phút phát huy tác dụng, đem lại sự bình ổn về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục...

Phác ra mấy nét khái quát về điều kiện tự nhiên-xã hội ở vùng dân tộc để thấy rằng, trong phát triển giáo dục, giáo dục dân tộc thiểu số chỉ là một bộ phận nhỏ của giáo dục quốc dân. Đồng bào dân tộc, *cư trú phần lớn ở nơi xa xôi, hẻo lánh*, chính vì thế có khi hình ảnh đồng bào bị *khuyết lấp trong bức tranh chung*, trong cục diện cả nước, nhưng đồng bào là *đối tượng không thể bị lãng quên*. Không phải là quá nhấn mạnh khi nhắc lại vùng dân tộc là vùng «phên dậu» chỡ che cho đất nước, trong lịch sử phát triển và chống giặc ngoại xâm của đất nước, vùng dân tộc luôn là cái nôi, là căn cứ địa, *những nhạy cảm về sắc tộc, về tôn giáo, về văn hóa, về ngôn ngữ đều tập trung ở đây*. Có thể khẳng định, trong nghiên cứu khoa học cũng như trong quản lí nhà nước về giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, một quyết định đưa ra không tính toán chu toàn, phù hợp đến từng tộc người, từng vùng đất, từng đặc điểm về dân số, về địa bàn cư trú, về bậc thang phát triển xã hội, về tập quán và trình độ sản xuất, về văn hóa, tín ngưỡng, về tiếng nói và chữ viết,... đều không đem lại kết quả mong muốn. Mục tiêu giáo dục ở vùng dân tộc là giúp cho mọi thành viên trong cộng đồng dân tộc vươn lên mặt bằng chung của công dân đất nước, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng mình.

2. Giáo dục ở vùng đồng bào DTTS đang ở đâu?

2.1. Hơn 60 năm, dưới chế độ mới, giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã thu được những thành tựu to lớn

- Ở một địa bàn gần 100% dân số mù chữ, điều kiện phát triển giáo dục gặp muôn vàn khó

khăn, vùng dân tộc thiểu số đã hoàn thành sự nghiệp xoá mù chữ (XMC), hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, nhịp bước với các vùng trong cả nước, giáo dục THCS và THPT cũng đã và đang được phổ cập có thể xem đây là một thành tựu rất to lớn.

- Hệ thống mạng lưới trường lớp đã phủ kín ở vùng dân tộc. Không còn bản trắng về giáo dục. Cơ sở vật chất trường lớp, ngay cả những xã xa xôi, hẻo lánh ở Tây Bắc, Tây Nguyên hay đồng bằng sông Cửu Long, cho đến nay đã được xây dựng khá đầy đủ. Các cháu học sinh, nhất là các cháu ở trường PTDTNT đã tận mắt thấy, và hằng ngày đã được sử dụng các phương tiện học tập, phương tiện truyền thông hiện đại. Trường học ở vùng dân tộc với sự tận tụy của các thầy, cô giáo trong sự nghiệp trồng người đã trở thành địa chỉ tin cậy, là niềm tự hào của bà con nhân dân các dân tộc.

- Đáp ứng nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo cán bộ người DTTS cho vùng dân tộc, hình thành phát triển mạnh mẽ mạng lưới trường PTDTNT từ huyện đến tỉnh và Trung ương. Tính đến năm học 2010-2011, hệ thống trường PTDTNT thuộc ngành GD&ĐT quản lí có ở 50 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương với 292 trường, thu hút khoảng 70.000 học sinh. Hầu hết các tỉnh, huyện ở miền núi, vùng dân tộc đều có trường PTDTNT, một số địa phương có trường liên huyện, trường cụm xã. Tính trung bình, quy mô trường Trung ương là 550 HS/trường, trường tỉnh 410 HS/trường, trường huyện và cụm xã: 290 HS/trường. Đến nay, tất cả các DTTS đều có con em theo học tại trường PTDTNT. Học sinh PTDTNT chiếm khoảng 6,1% số học sinh dân tộc cấp trung học của cả nước.

- Đáp ứng nhiệm vụ phổ cập giáo dục ở vùng DTTS, củng cố và phát triển mạnh mẽ lớp ghép ở những thôn bản xa xôi. Chỉ cần một giáo viên, một phòng học là có thể đảm đương dạy và học hai ba trình độ học sinh. Lớp ghép đã tạo ra "không gian" giáo dục riêng cho bậc tiểu học vùng dân tộc, các yếu tố đặc thù của giáo dục tiểu học được phát triển mạnh. Hình thành hệ thống chỉ đạo chặt chẽ và được quan tâm đầu tư về chuyên môn, về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đặc biệt là sự đổi mới về phương pháp dạy của giáo viên, chất lượng giáo dục lớp ghép được khẳng định. Lớp ghép đã trở thành một thành tố không thể thiếu của giáo dục ở vùng dân tộc. Ở đây tính khoa học và tính nhân văn, tính dân tộc và tính thời đại

trong phát triển giáo dục được hội tụ và kết hợp một cách hài hòa.

- Đội ngũ giáo viên ở vùng dân tộc có những chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng. Trước đây, ở các tỉnh vùng dân tộc, ngay cả giáo viên tiểu học cũng còn thiếu, phải trông chờ vào sự chi viện của các tỉnh đồng bằng. Ngày nay, hiện trạng ấy đã có nhiều đổi khác. Giáo viên phổ thông từ tiểu học đến THPT, các tỉnh vùng dân tộc đều có thể "tự cung, tự cấp", tự điều tiết bằng chính nguồn lực của tỉnh mình. Giáo viên vùng dân tộc với phương tiện và phương pháp dạy học hiện đại từng bước tháo gỡ những rào cản trong học tập của học sinh, trong đó có rào cản về ngôn ngữ, giúp cho học sinh dân tộc thiểu số tiếp cận với mặt bằng giáo dục cả nước.

- Việc triển khai dạy tiếng mẹ đẻ cho học sinh dân tộc đã trải qua một chặng đường rất dài và đang dần dần đi vào thế ổn định, tiếp cận với quan điểm giáo dục song ngữ hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở vùng dân tộc. Chặng đường ấy là:

(1) Dạy thẳng hai giai đoạn trong thời kì 1955-1960: cho 2 ngôn ngữ Hmông và Thái; từ lớp vỡ lòng đến lớp 2 dạy thẳng bằng ngôn ngữ dân tộc, từ lớp 3-4 dạy bằng ngôn ngữ phổ thông.

(2) Dạy xen kẽ tiếng dân tộc- tiếng Việt (1961-1980): cho các ngôn ngữ Hmông, Tây-Nùng, Thái, lớp vỡ lòng dạy bằng tiếng dân tộc, lớp 1-4 dạy xen kẽ 2 thứ tiếng.

(3) Dạy song ngữ dân tộc -Việt và dạy tiếng qua môn Ngữ văn (1980-1990): dạy song ngữ dân tộc - Việt triển khai ở các tỉnh Tây Nguyên; dạy qua môn Ngữ văn triển khai với 2 ngôn ngữ Chăm và Khmer.

(4) Dạy như một môn học (1991- nay): triển khai ở diện rộng cho các ngôn ngữ Jrai, Bana, Chăm, Hmông, Khmer... hiện nay đã được ngành giáo dục cho chính thức triển khai.

(5) Dạy như một chuyển ngữ 1996-2004: thực nghiệm ở phạm vi hẹp: 2 trường với ngôn ngữ Jrai, tại tỉnh Gia Lai.

(6) Dạy song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho 3 ngôn ngữ Khmer, Jrai, Hmông từ năm 2008 tại 3 tỉnh Trà Vinh, Gia Lai và Lào Cai.

- Về chất lượng dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc hiện nay, chúng ta còn nhiều điều chưa hài lòng. Nhưng phải nói rằng, việc dạy và học tiếng Việt ở vùng dân tộc cũng đã có những bước



tiến dài về nhận thức, về phương diện lí luận, về sự đổi mới trong nội dung đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm; chất lượng học tiếng Việt của học sinh dân tộc đã được từng bước cải thiện. Học sinh đã nhận được sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ của các thầy, cô giáo. Chất lượng sử dụng tiếng Việt của học sinh dân tộc còn có khoảng cách khá xa so với học sinh người Kinh (Việt), nhưng đã đạt chuẩn kiến thức và kĩ năng theo qui định bậc tiểu học.

2.2. Những yếu kém, bất cập

- Lớp ghép- một giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề thiếu giáo viên, xóa bản trắng, đưa giáo dục đến với mọi người- đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử. Những đặc thù ở vùng dân tộc như cư trú phân tán, dân cư thưa thớt vẫn còn đó nên sự tồn tại của lớp ghép vẫn là một thực tế khách quan. Lớp ghép luôn gắn liền với phương pháp dạy học đặc thù, giáo viên phải tinh thông về phương pháp dạy học và thành thạo trong cách tổ chức các hoạt động trên lớp. Đội ngũ giáo viên dạy lớp ghép cần được ổn định và bồi dưỡng thường xuyên. Điều này mâu thuẫn với chính sách luân chuyển đội ngũ giáo viên ở vùng khó khăn. Đó là một thách thức với các cấp quản lí giáo dục. Lớp ghép đòi hỏi sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất. Sự thiếu vắng các điều kiện dạy và học lớp ghép như bàn ghế linh hoạt, tài liệu dạy học và một số vật tư kĩ thuật khác cần dùng cho lớp ghép làm ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng dạy và học.

- Với tiếng Việt ở vùng dân tộc, hiện nay cùng một lúc ngành giáo dục triển khai 5 giải pháp nâng cao chất lượng: giải pháp công nghệ giáo dục, giải pháp nâng cao chất lượng mẫu giáo 5 tuổi, giải pháp giãn tiết, giải pháp giáo viên hỗ trợ, giải pháp giáo dục song ngữ dựa trên cơ sở tiếng mẹ đẻ. Trong 5 giải pháp nâng cao chất lượng tiếng Việt cho học sinh dân tộc đang triển khai, giải pháp nào cũng có những giá trị ưu việt của nó nhưng không thể có giải pháp giữ vị trí độc tôn ở vùng dân tộc bởi như trên đã phân tích, vùng dân tộc cũng là vùng không thuần nhất mà rất đa dạng về điều kiện tự nhiên, xã hội và ngôn ngữ... Điều này cần được lí giải bằng một chiến lược dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc, tạo cơ sở khoa học cho hoạt động triển khai.

- Việc dạy tiếng mẹ đẻ cho học sinh dân tộc đã hình thành 2 phương thức: dạy như một môn học và dạy trong một chương trình giáo dục song

ngữ. Mỗi phương thức có một ưu điểm nổi trội cần được tổng kết, rút ra bài học. Dạy tiếng mẹ đẻ cho học sinh dân tộc không đến nỗi khó như dạy tiếng Việt nhưng cũng cần đi đến những kết luận về phương thức, về nội dung và phương pháp. Ngay cả việc xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu trong điều kiện thiếu vắng chuyên gia giỏi về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số cũng là một bài học kinh nghiệm cần được đúc rút.

- Mô hình trường PTDTNT chưa phải là hoàn hảo nếu như chúng ta không tìm cách khắc phục bất cập. Thực tế, việc đưa học sinh dân tộc đến học tập trung ở một môi trường giáo dục thuận lợi trong một thời gian dài (có em từ lớp 6 đến lớp 12) khi còn rất ít tuổi cũng tạo ra cho các em một tâm lí không bình thường. Rời xa cộng đồng, sự hiểu biết của các em về chính cộng đồng sinh ra mình bị hạn chế, đứt tách. Một bộ phận học sinh nảy sinh tâm lí trông chờ, đòi hỏi sự đãi ngộ của nhà nước, e ngại một ngày nào đó phải trở về sống với đời sống vất vả của cộng đồng. Học sinh dân tộc thiểu số ở trường PTDTNT sinh hoạt và học tập riêng biệt, ít tiếp xúc với học sinh dân tộc Kinh, càng ít có cơ hội rèn luyện tiếng Việt, giao lưu văn hoá, học hỏi kinh nghiệm cuộc sống... Điều này rất có thể dẫn tới tình trạng học sinh dân tộc thiểu số rơi vào tâm lí co cụm, khép kín, ít có khả năng hoà nhập xã hội khi rời học đường, suy giảm năng lực thích nghi.

- Một số chính sách ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng dân tộc sau một thời gian vận hành đã bộc lộ ít nhiều bất cập trong bản thân chính sách cũng như trong tổ chức thực hiện như: chính sách học bổng đối với học sinh trường PTDTNT, chính sách cử tuyển học sinh dân tộc vào các trường đại học và THCN, chính sách dạy học tiếng nói và chữ viết các dân tộc thiểu số. Chính sách ấy là đóng hay mở, nhất thời hay bền vững trong phát triển?

3. Tiếp tục phát triển giáo dục DTTS như thế nào?

Giáo dục ở vùng DTTS cần phải tiếp tục như thế nào trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam thời kì đổi mới? Với tinh thần này, cần xác định mục tiêu mà khi đạt được sẽ làm cơ sở phát triển cho những mục tiêu khác trong toàn bộ hệ thống giáo dục. Nghĩa là, một khi chúng ta xác định được vấn đề cơ bản, tập trung vào giải quyết nó cũng chính là chúng ta đã giải quyết được mục tiêu mang tính toàn diện.



Mục tiêu sau khi đã xác định được cần được thiết lập các giải pháp. Mà giải pháp trong nhiệm vụ và các mối quan hệ của nó cũng là một kênh thông tin giúp cho người làm giáo dục nhận ra rõ hơn mục tiêu giáo dục.

Trong thời gian tới, mục tiêu của giáo dục vùng DTTS là: *Giải quyết tốt và song song hai nhiệm vụ mang tính chiến lược: bảo đảm chất lượng phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo là người DTTS*. Đây nên xem là đôi cánh "con chim đại ngàn giáo dục" ở vùng DTTS.

Để đạt được mục tiêu nói trên, cần tập trung vào một số giải pháp:

Một là: Phát triển giáo dục ở vùng DTTS theo định hướng giáo dục cộng đồng, tạo điều kiện cho cộng đồng thiếu số thực sự là chủ nhân của sự nghiệp giáo dục vùng dân tộc, với việc tham gia các hoạt động của giáo dục: xây dựng mục tiêu, kế hoạch hành động, xây dựng chương trình, nội dung giáo dục ở vùng dân tộc, kiểm tra, đánh giá hiệu quả giáo dục, theo dõi việc thực hiện chính sách ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng dân tộc...

Hai là: Đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học theo hướng sát với đối tượng và đặc điểm vùng miền:

(1) Xây dựng chiến lược dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc, trên cơ sở phân vùng chất lượng môi trường tiếng Việt, chất lượng ngôn ngữ mẹ đẻ, chất lượng song ngữ dân tộc - Việt, thực hiện tốt việc chuẩn bị tiếng Việt trong giai đoạn tiền đọc, tiền viết, kết hợp hài hòa 4 kĩ năng ngôn ngữ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các phương tiện hiện đại trong dạy và học. Phần đầu để tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia, không những là công cụ học tập trong nhà trường Việt Nam, là phương tiện đoàn kết các dân tộc mà còn là niềm vui, là niềm tự hào, khát khao chiếm lĩnh của học sinh và bà con nhân dân các dân tộc.

(2) Triển khai một số nội dung giáo dục đặc thù bao gồm:

a) Dạy tiếng mẹ đẻ cho học sinh thuộc cộng đồng ngôn ngữ các DTTS ở tiểu học và ở các cấp học cao hơn nếu có điều kiện, trên cơ sở quán triệt sâu sắc lí luận của giáo dục song ngữ, khai thác tốt nhất cơ chế chuyển di; tiếp tục làm tốt việc nâng cao nhận thức về giáo dục song ngữ; khai thác nhiều nguồn lực để có mức đầu tư cao về sức người, sức của trong phát triển giáo dục song ngữ.

b) Xây dựng các nội dung, phương pháp giáo dục văn hóa truyền thống, giáo dục tri thức địa phương cho học sinh dân tộc, trước mắt ưu tiên cho đối tượng là học sinh trường PTDTNT.

Ba là: Củng cố mạng lưới giáo dục đặc thù ở vùng dân tộc, trong đó có việc củng cố trường, lớp bán trú, nội trú; tăng cường các biện pháp giáo dục nhằm khắc những điểm chưa hoàn hảo trong môi trường giao lưu xã hội và nội dung đào tạo trường PTDTNT, duy trì chất lượng các lớp ghép.

Bốn là: Xây dựng chính sách phát triển bền vững cho giáo dục ở vùng dân tộc theo hướng vừa giải quyết hài hòa hai mục tiêu chiến lược bảo đảm chất lượng phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo là người DTTS. Trong đó tập trung ưu tiên cho vùng dân tộc đặc biệt khó khăn, các dân tộc rất ít người, các dân tộc thiểu vắng cán bộ có trình độ cao, ưu tiên đào tạo giáo viên là người DTTS.

Song song với việc xây dựng chính sách là xây dựng một cơ chế quản lí việc thực hiện chính sách sao cho chính sách ưu tiên đến đúng với đối tượng được thụ hưởng.

Chính sách ở vùng dân tộc nên là chính sách mở, chính sách bền vững để luôn cập nhật với những biến động của kinh tế-xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc, *Vấn đề nghiên cứu phát triển văn hóa-con người- nguồn nhân lực ở Việt Nam đầu thế kỉ XXI- Nghiên cứu văn hóa, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỉ XXI*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tháng 11-2003- Chương trình KH-CN cấp nhà nước KX- 05.
2. Nguyễn Minh Hiến, *Giáo dục trong đối thoại giữa các nền văn hóa, văn minh vì hòa bình và phát triển bền vững*, Tạp chí Cộng sản 7/4-2005.
3. *Đánh giá quá trình nghiên cứu khoa học của Trung tâm nghiên cứu giáo dục dân tộc*, Đề tài KHCN mã số V2009-07.

SUMMARY

The author believes that in the coming time, for the basic and comprehensive renovation of education in ethnic areas, two strategic issues have to be solved in parallel: quality of universal education and quality of trained manpower with ethnic origin.